

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày 27 - 9- 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Minh

2. Bà Hoàng Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên;

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST-DS, ngày 09/6/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS, ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vy Thị Kh, sinh năm 1956 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: TDP Th, thị trấn A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lương Văn T, sinh năm 1954 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Vy Thị Kh trình bày: Ngày 19/3/2013, ông T có hỏi vay của bà số tiền 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng chẵn) và được bà đồng ý. Việc thỏa thuận giữa hai bên có lập thành văn bản là giấy viết tay do tự tay ông T viết và ký tên.

Thời hạn vay thỏa thuận miệng, không thỏa thuận về lãi suất, khi nào bà yêu cầu thì ông T phải thanh toán trả lại cho bà.

Khi cần tiền, bà có yêu cầu ông T phải thanh toán số tiền vay nhưng ông T mới trả cho bà 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 10/6/2013, trả 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu đồng)

Lần 2: Ngày 11/10/2013, trả 6.000.000đ (Sáu triệu đồng chẵn)

Tính đến nay, ông T mới trả cho bà được 41.000.000đ (Bốn mươi một triệu đồng) tiền gốc, còn nợ lại số tiền: 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Bà đã nhiều lần gọi điện, đến nhà yêu cầu ông T phải thanh toán nhưng ông T trốn tránh, không thanh toán tiền cho bà. Nay, bà yêu cầu ông T phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Bà không yêu cầu ông T phải chịu lãi suất đối với số tiền trên.

Bà xác định khoản tiền cho ông T vay là tiền của cá nhân bà, không liên quan đến ai khác.

Chứng cứ bà Kh đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là: 01 giấy biên nhận là giấy viết tay lập ngày 19/3/2013.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2022, bị đơn ông Lương Văn T trình bày:
Ông xác nhận ngày 19/3/2013 có được vay của bà Kh số tiền là 55.000.000đ, ông đã trả cho bà Kh 41.000.000đ, còn nợ số tiền 14.000.000đ. Nay bà Kh khởi kiện yêu cầu ông trả khoản tiền trên, không yêu cầu về lãi suất, ông đồng ý trả nhưng do hiện tại ông chưa có tiền nên ông hẹn 02 năm nữa sẽ trả.

Tại phiên hòa giải, ông T vắng mặt nên không thỏa thuận được với bà Kh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm nghĩa vụ của đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vy Thị Kh. Buộc ông Lương Văn T phải trả cho bà Vy Thị Kh số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Về án phí: Ông Lương Văn T phải chịu 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Vy Thị Kh khởi kiện đối với bị đơn là ông Lương Văn T, sinh năm 1954, địa chỉ: Thôn Hai, xã An bá, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang về việc yêu cầu trả khoản tiền vay 14.000.000đ. Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lương Văn T đã được Tòa án tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Vy Thị Kh yêu cầu ông Lương Văn T trả khoản tiền vay là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng), không yêu cầu về lãi xuất.

Bà Kh cung cấp cho Tòa án 01 Giấy vay tiền là giấy viết tay, xác định cho ông T vay 55.000.000đ, ông T đã trả được 41.000.000đ, còn nợ bà số tiền 14.000.000đ, ông T thừa nhận nội dung ông vay tiền của bà Kh như bà Kh trình bày là đúng.

Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

Do ông T thừa nhận còn nợ bà Kh 14.000.000đ, theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Kh không phải chứng minh. Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy vay tiền, lời khai của các bên đương sự xác định: Ngày 19/3/2013, ông T có vay của bà Kh số tiền 55.000.000đ, đã trả được 41.000.000đ, còn nợ lại 14.000.000đ.

Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau:

“ Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Do vậy, ông T phải có trách nhiệm trả đủ số tiền đã vay cho bà Kh. Bà Kh yêu cầu ông T phải trả lại số tiền 14.000.000đ là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về lãi xuất, bà Kh không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Kh được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại các điều 6, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án phí ông T phải chịu là $14.000.000đ \times 5\% = 700.000đ$ (Bảy trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 khoản 1 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Vy Thị Kh.

Buộc ông Lương Văn T phải trả cho bà Vy Thị Kh số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành, mức lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Lương Văn T phải chịu 700.000đ (Bảy trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- Chi cục THADS huyện SĐ
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ; VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hằng